

HOÀN THIỆN QUY CHẾ CHO VAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Nguyễn Văn Phúc

Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Nợ xấu của hệ thống tài chính tín dụng có liên quan trực tiếp đến quy chế cho vay. Việt Nam, trong những năm gần đây, quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng còn nhiều bất cập: tỷ lệ nợ xấu tăng cao, chất lượng tín dụng thấp, các văn bản pháp luật của Ngân hàng Nhà nước chưa hoàn thiện. Hoàn thiện quy chế cho vay từ góc độ quản lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm các vấn đề: xác định quan điểm định hướng, xác lập quy chế cho vay trên cơ sở tăng quy mô vốn đầu tư và nâng cao chất lượng tín dụng, kiên quyết với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước chính sách tài khóa tiền tệ linh hoạt.

Từ khóa: tín dụng, cho vay, nợ xấu, ngân hàng

*

1. Nợ xấu của hệ thống tín dụng Việt Nam

Quy chế cho vay (QCCV) là những quy định mang tính pháp lý của các cấp có thẩm quyền (Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng) liên quan đến khoản tín dụng, trong đó, các yếu tố khác nhau của quy chế được kết hợp một cách thống nhất. QCCV ảnh hưởng trực tiếp đến nợ xấu.

Những năm qua cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính và suy thoái kinh tế thế giới từ năm 2008 đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Nhiều khách hàng vay vốn của các tổ chức tín dụng (TCTD) không trả được nợ. Nợ xấu của hệ thống TCTD từ năm 2009 có chiều hướng tăng lên, đặc biệt vào năm 2012 (bảng 1).

Bảng 1: Nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam (2009 – 2013) (đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng nợ	1.750.000	2.271.500	2.504.911	3.086.750	3.300.000
Tổng nợ xấu	35.173	49.064	76.650	272.251	160.050
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,01	2,16	3,06	8,82	4,85

Trong giai đoạn 2009 – 2013, tốc độ tăng huy động vốn và cho vay của các TCTD Việt Nam cao nhất trong khu vực; trong đó hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) đóng vai trò chủ yếu với thị phần tín dụng chiếm gần 95% của toàn hệ thống. Tín dụng cho nền kinh tế tăng trưởng bình quân 30%/năm. Với tốc độ tăng nhanh như vậy,

đã đòi hỏi nhiều tín dụng, đáng chú ý là là vốn đầu tư tăng lên.

– Xét theo trình độ, nợ xấu của nhóm NHTM, thì nợ xấu của nhóm NHTM nhà nước như Agribank và 3 NHTM cổ phần nhà nước (Vietinbank, BIDV, Vietcombank) chiếm 45,6%, các NHTM cổ phần chiếm 35%. Trong đó nợ xấu của Agribank là

7,56% tổng đồng 33.159 tỷ đồng, chiếm 25% nợ xấu toàn hệ thống. Vietinbank là 8.518 tỷ đồng, chiếm 2,46%/tổng nợ; Vietcombank là 2,62% tổng đồng 7.212 tỷ đồng và của BIDV là 1,96%.

– Theo ngành kinh tế, cho vay của các TCTD cuối năm 2013 có nợ quá hạn chiếm tỷ lệ cao là vốn tín, kinh doanh bất động sản và các ngành dịch vụ. Các lĩnh vực này thẩm định cho vay trung, dài hạn tập trung vào các doanh nghiệp nhà nước, nên các khoản vay này thẩm định phát sinh từ các NHTM nhà nước.

Mọi hoạt động tín dụng nói chung, nợ xấu nói riêng đều liên qua đến QCCV.

2. Một số hạn chế trong QCCV của TCTD trong hệ thống ngân hàng

QCCV của các TCTD vẫn còn nhiều bất cập xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý, chính sách cho vay và đặc điểm của TCTD. Song quá trình vận hành các quy chế này còn nhiều bất cập. Chẳng hạn:

– Thực hiện tỷ lệ dự trữ bắt buộc của một số TCTD chưa nghiêm túc. Một số TCTD số dư ngân khoản vốn quá mức quy định. Điển hình như BIDV từ năm 2009 đến 2013, số cho vay luôn lớn hơn số huy động vốn. Năm 2009 tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 101,52%, năm 2010 là 100,9%, năm 2011 là 120,05%, năm 2012 là 102,66% và năm 2013 là 105,07%. Một số TCTD khác cũng có tình trạng tương tự. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là một chỉ tiêu mang tính pháp lý. Tuy nhiên, còn nhiều TCTD không tuân thủ.

– Tỷ lệ nợ quá hạn có xu hướng tăng cao ảnh hưởng đến an toàn của TCTD. Nhiều thủ tục thẩm định TCTD mất khả năng kiểm soát, dẫn đến một số TCTD quy mô nhỏ phải số dư đến biên pháp sáp nhập. Đặc biệt là chất lượng tài sản đảm bảo của các TCTD giảm sút thấp hơn giá trị thực, không tiêu thụ được; nhất là những tài sản đảm bảo bằng bất động sản.

không tiêu thụ được; nhất là những tài sản đảm bảo bằng bất động sản.

– Chính sách cho vay của các TCTD những năm gần đây đã có yếu tố tích cực, nhưng do cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tài chính Việt Nam nên nhiều TCTD không thực hiện nghiêm túc.

– Chế độ chi phí của nhiều văn bản pháp luật. Các văn bản dưới luật còn nhiều chồng chéo, không rõ ràng, nên gây khó khăn cho việc vận hành các QCCV.

Nguyên nhân của những hạn chế:

– Chính phủ, NHNN khi ban hành các chủ trương hoạch định hàng năm về tài chính tiền tệ (chủ trương tăng trưởng kinh tế, chủ trương lạm phát) của chính xác làm cho các chính sách như lãi suất phải thay đổi liên tục ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tín dụng ngân hàng.

– Năng lực dự báo kinh tế yếu. Một số ngân hàng phát đã có từ năm 2005 – 2006 với chủ trương tăng khó khăn. Các dự báo về biến động kinh tế thế giới và tác động của nó đến với kinh tế Việt Nam, đồng nghĩa còn thiếu một số chủ đạo chính thống, của đất nước trong thời kỳ hội nhập để có những phương sách quản lý thích hợp.

– Điều hành chính sách tiền tệ. Chính sách tài chính – tiền tệ được coi như là công cụ kinh tế nhạy cảm và nếu không phù hợp sẽ dễ gây tổn thương cho nền kinh tế, đặc biệt là ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

– Điều hành chính sách tài khóa. Chính sách tài khóa thông qua hoạt động chi tiêu của Chính phủ là số biến chi tiêu liên miên trong nhiều năm qua duy trì mức khoảng 5%. Kéo theo đó là số kém hiệu quả trong phân bổ ngân sách như chi tiêu công quá lớn, lợi dân trí và bình quân nên không tạo ra được những bước đột phá cho nền kinh tế.

– Các TCTD, nợ xợu nhiợu tợm ợn rợi ro cao. Trong nhiợu năm qua (trợc năm 2013), Chính phợ thợc hiợn chính sách nợ ợng tợn tợ, tợo đợu kiợn cho tợn đợng mợ rợng vợ quy mô. Do tăng trợng nhanh, nên chợt ợợng còn nhiợu hợn chợ, nhiợu TCTD năng ợc tài chính yợ kém, thợc hiợn các QCCV không nghiêm túc... đợn đợn nợ xợu nhiợu, tợm ợn rợi ro ợn.

– Áp ợc cợnh tranh trong hoợt đợng tợn đợng ngày càng gay gợt, đợn đợn thợc hiợn các QCCV cợa các TCTD có phợn "ợng ợo". Chợng hợn, trong năm 2012 - 2013 là nhợng năm đợ nợ quá hợn bợt đợu bù ợn do các năm trợc đợ các TCTD cợnh tranh tăng trợng thợ phợn quá mợc kiợm soát, nhiợu khoợn vay đợc phê duyợt theo nhu cợu cợa khách hàng hợn là đợa trên các nguyên tợc, quy trình tợn đợng.

– Hợ thợng thông tin tợn đợng còn yợu và bợ đợng trong viợc thợm đợnh, làm giợm khợ năng nghiợn cợu đánh giá khách hàng, đợ báo tình hình tợn đợng. Công tác đánh giá phân ợợi khách hàng, phân tích hoợt đợng sợn xuợt kinh doanh, năng ợc tài chính cợa khách hàng chợa đợc thợc hiợn thợợng xuyên và quan tâm đợy đợ.

– Viợc xác đợnh thợi hợn cho vay còn rợp khuôn, máy móc chợa căn cợ vào chu kỳ sợn xuợt hoợc kinh doanh, đợn đợn viợc đợn thợi hợn trợ nợ thợi vợn vay chợa đợc thu hợi hoợc thu nhợp chợa đợ bù đợp. Đợu này sợ đợn đợn viợc khách hàng phợi vay mợn bên ngoài đợ chi trợ ngân hàng, mợt vòng vay mợi vợi sợ tợn cao hợn đợ hoàn trợ nợ vay bên ngoài.

– Các TCTD còn gợp nhiợu khó khăn trong xợ lý tài sợn đợm bợo tợn vay (TSĐB). Mợt trong nhợng vợn đợ đáng quan tâm nhợt cợa các TCTD, nhợt là đợi vợi các TCTD có quy mô hoợt đợng nhợ là vợn đợ xợ lý TSĐB. Xợ lý TSĐB hợn nay

gợp hàng ợợt bợt cợp vợ mợt pháp lý. Khách hàng không hợp tác trong xợ lý TSĐB, cợ quan chợm trợ xợ lý TSĐB tợn vay cợa TCTD, thợ trợng giao đợch bợt đợng sợn không ợn đợnh... Chợng hợn, Nghợ đợnh 163/2006/NĐ-CP (29/12/2006) vợ giao đợch bợo đợm và Nghợ đợnh 11/2012/NĐ-CP (22/12/2013) vợ sợa đợi bợ sung mợt sợ đợu Nghợ đợnh 163, đã quy đợnh tợợng đợi đợy đợ nhợng đợu khoợn nhợm bợo đợm thợc hiợn nghiợa vợ dân sợ và xợ lý TSĐB, đợc biợt là tranh chợp dân sợ giợa ngợợi vay và TCTD nhợng trong thợc tợ TSĐB không đợ bán, thu hợi nợ cợa khách hàng có nợ quá hợn khó khăn, nhợt là đợi vợi khách hàng không hợp tác trong viợc xợ lý TSĐB tợn vay.

– Quợn trợ rợi ro tợn đợng (RRTD), chợa có sợ thợng nhợt, đợng bợ giợa các TCTD. Nhợng TCTD ợn thợi có bợ máy quợn trợ RRTD bài bợn, còn nhợng TCTD nhợ, viợc quợn trợ RRTD chợ là kiợm nhiợm cợa bợ phợn tợn đợng hoợc thanh tra kiợm tra. Ngay các TCTD ợn cũng chợa thợc hiợn đợc mô hình quợn trợ RRTD theo tiêu chuợn quợc tợ (nhợ Basel 2 hợn nay chợng hợn).

– Chính sách nghiợn cợu và phát triợn sợn phợm mợi chợa đợc TCTD đợu tợ đúng mợc. Các sợn phợm tợn đợng cợa nhiợu TCTD, nhợt là đợi vợi TCTD nhợ chợa đa đợng, hợu nhợ thợc hiợn bợng cách sao chép tợ các sợn phợm mợi cợa các ngân hàng ợn khác nhợ ACB, Techcombank, Sacombank, VCB, BIDV... mà chợa có sợ nghiợn cợu và phát triợn thợợng xuyên các sợn phợm mợi nên khi có sợ biợn đợng vợ lãi suợt thì các sợn phợm tợn đợng mợi cợa các TCTD này thợợng đợc ban hành chợm hợn so vợi các ngân hàng khác, đợu này ợnh hợng đợn khợ năng cợnh tranh cợa TCTD và không giợ đợc khách hàng cũ

do s  n ph m hi n t i kh ng c n h p d n so
v i di n bi n m i c a th  tr ng.

– Hưu nhữ thừ ng hiu cầ các TCTD Việt Nam chầ đầ c khách hàng nhữn biểt rừ ng rầi, mừ ng lầ i đầ m giao dừ ch chầ mừ rừ ng. Trừ mừ t sầ các TCTD lầ n cầ Viểt Nam (ACB, VCB, BIDV, Agribank...) còn đầ sầ các TCTD nhữ chầ đầ c khách hàng nhữn biểt rừ ng rầi. Công tác quừ ng bá hình ãnh, tiểp thữ chầ hiu quừ. Mừ ng lầ i đầ m giao dừ ch ít so vừ i các TCTD lầ n, chầ mừ i tiểp trung ã mừ t sầ đô thữ lầ n (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nừ i, Hừ i Phòng, Đà Nừ ng, Bìnừ Dừ ng, Đừ ng Nai, Cừ n Thừ ...). Nhiừ u TCTD đầ c thầnh lầ p hàng chầ c năm, nhừ ng thừ ng hiu chầ mừ i phát triển trong nhừ ng năm gừ n đầy. Nhiừ u khách hàng khi lầ chầ n TCTD đầ gừ i tiển, vay vừ n hoầ c mừ tài khoầ n giao dừ ch không biểt tầ i.

– Công sự hệ thống công nghệ thông tin của các TCTD Việt Nam còn nhiều yếu kém. Một số TCTD không có điều kiện, sự khác biệt không quan tâm đúng mức (chưa chú trọng nâng cấp, cải tiến hệ thống corebanking) dẫn đến hạn chế trong việc phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại.

– Việc chọn chính nhân sự sai phạm sau thanh kiểm tra còn nhiều. Công tác tự kiểm tra của hệ thống kiểm tra kiểm toán nội bộ chưa sâu, chưa kịp thời và chưa chặt chẽ.

Qua tình hình di biến biển nước sâu và những nguyên nhân gây nên nước sâu trên cho thấy, nước sâu tăng cao, đã trở thành báo động, nên cần có giải pháp xử lý nhằm mục đích không gây hại cho nền kinh tế xã hội. Trong đó đáng chú ý là các nguyên nhân thuộc về QCCV.

3. Hoàn thiện QCCV

Hoàn thiện QCCV chủ sở tác động của
nhiều nhân tố. Từ góc độ quản lý nhà nước,

chúng tôi đã ra mắt số đầu xuất mang tính
định hướng:

Thị nhậ t, xác địn h nhậ ng quan điể m mang tĩn h địn h hậ ng hoàn thiệ n QCCV trong điể u kiệ n hiệ n nay.

– Hoàn thiện QCCV theo hướng thực hiện chính sách cho vay hiệu quả, đồng thời phát huy vai trò quan trọng là công cụ thực hiện chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế hội nhập. Hoàn thiện QCCV là một trong những nội dung trọng yếu trong chiến lược đổi mới hoạt động ngân hàng giai đoạn 2010 - 2020. QCCV phải vừa là nội dung, vừa là công cụ cho vay hiệu quả và là công cụ tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định tiền tệ và kiểm soát lạm phát.

– Hoàn thiện QCCV phải đảm bảo gắn chặt hoạt động tín dụng với phát triển và mở rộng quy mô hoạt động tín dụng đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển của nền kinh tế. Hoạt động tín dụng phải tuân theo những quy luật vốn có của kinh tế thị trường, phải gắn chặt với sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế.

– Hoàn thiện QCCV phải lấy hiệu quả tín dụng và hiệu quả kinh tế là tiêu chí quyết định. Giữ quyết tâm hài hòa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp với hiệu quả tín dụng của các TCTD. Giữ quyết tâm quan hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn, nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn tín dụng, tạo điều kiện cho các TCTD thực sự kinh doanh theo cơ chế thị trường. Đối với các TCTD, quan điểm này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động tín dụng, từ việc giữ quyết tâm hài hòa giữa khả năng huy động vốn và cho vay, việc tính toán và xác định giá cả (lãi suất) cho vay, việc áp dụng cơ chế và phương thức cho vay đến việc sử dụng các công cụ kiểm soát tín dụng làm sao có hiệu quả nhất đối với mỗi khoản tín dụng.

– Hoàn thiện QCCV hợợng vào giợợi quyợợt vớợn đợợi vớợn tín đợợng cho nớợn kinh tợợi phợợi đợợt trong chiợợn lợợợc tài chính – tợợi tợợi quợợc gia, chúợợng khai thác vớợn trong nớợc trên cợợi sợợi giợợi quyợợt tợợt các mợợi quan hợợi tích lũy và đợợu tợợi, giợợi a tiêu dùng và tợợt kiợợm; tranh thợợi mợợi nguợợn vớợn tợợi bên ngoài theo hợợợng chợợi đợợng mợợi rợợng và tăng cợợợng hợợp tác quợợc tợợi, tợợo khợợi năng cao nhợợt vớợi nguợợn vớợn cho vay và đợợu tợợi phát triợợn.

– Hoàn thiện QCCV, hợợợng vào nợợi dung hoàn thiện cợợi chợợi quợợn lý tín đợợng theo hợợợng thợợc hiợợn theo nguyên tợợc thợợi trợợợng.

– Hoàn thiện QCCV vớợi nợợi dung phợợi vớợa đợợm bợợo tính kợợi thợợa và đợợc thù cợợa các TCTD, cợợa nớợn kinh tợợi Viợợt Nam, vớợa nhanh chóng tợợp cợợn vớợi công nghợợ ngân hàng tiên tợợi, hiợợn đợợi, tợợng bợợợc hợợi nhợợp tài chính tợợi tợợi quợợc tợợi.

Thợợ hai, hoàn thiện QCCV tợợi các TCTD.

– Hoàn thiện QCCV trên cợợi sợợi tăng quy mô vớợn đợợu lợợ đợợi vớợi TCTD. Hiợợn tợợi, còn nhiợợu TCTD có vớợn đợợu lợợ chợợa đáp ợợng yêu cợợu tợợi thiợợu theo quy đợợnh cợợa NHNN. Trong khi vớợn đợợu lợợ cợợa TCTD có tợợm quan trợợng đợợc biợợt vì nó quyợợt đợợnh đợợn phợợm vi, quy mô hoợợt đợợng cợợa TCTD, đợợng thợợi tợợo nên niợợm tin và uy tín ban đợợu cợợa mợợi TCTD. Quy mô vớợn đợợu lợợ là mợợt trong nhợợng cợợi sợợi đợợi thợợc hiợợn cho vay.

– Hoàn thiện QCCV hợợợng đợợn nâng cao chợợt lợợợng hoợợt đợợng tín đợợng. Mợợt trong nhợợng mợợc tiêu cợợa hoàn thiện QCCV là nâng cao chợợt lợợợng tín đợợng đợợi vớợi TCTD.

– Hoàn thiện các chính sách cho vay nợợi bợợ, chính sách khách hàng, tiêu chí cợợp tín đợợng, tiêu chuợợn tài sợợn đợợm bợợo... sợợ

giợợp các TCTD nâng cao hiợợu quợợ quợợn trợợ. Thiợợt lợợp mợợt khuợợn khợợ các chuợợn mợợc chung làm nớợn tợợng cho viợợc xây đợợng QCCV: chính sách khách hàng, chính sách sợợn phợợm, hợợ thợợng quy trờợng nghiợợp vớợi tín đợợng.... Chính sách cho vay phợợi linh hoợợt, cân bợợng giợợi a tợợi đa hóa lợợi nhuợợn và giợợm thiợợu rợợi ro, đợợm bợợo tăng trợợợng tín đợợng an toàn, hiợợu quợợ, phợợi hợợp vớợi thông lợợ và chuợợn mợợc quợợc tợợ.

– Thợợc hiợợn thợợm đợợnh tín đợợng đợợa trên hợợ thợợng xợợp hợợng tín đợợng nợợi bợợ và xợợp hợợng khoợợn vay. Hợợ thợợng xợợp hợợng tín đợợng nợợi bợợ phợợi đợợợc xây đợợng trên cợợi sợợi tợợp hợợp nhợợng quy tợợc, trờợng tợợi thợợi tợợc và thợợm quyợợn chợợm đợợm, xợợp hợợng tín đợợng bợợng phợợợng pháp xác đợợnh mợợc đợợ rợợi ro tín đợợng phợợi hợợp vớợi hoợợt đợợng kinh doanh, đợợi tợợợng khách hàng và tính chợợt rợợi ro cợợa các khoợợn nợợ.

– Hoàn thiện cợợi cợợu tợợi chợợc hoợợt đợợng tín đợợng: tợợi chợợc bợợ máy tín đợợng phợợi tách bợợch giợợi a bợợ phợợn tợợp thợợ, quan hợợ khách hàng vớợi bợợ phợợn thợợm đợợnh rợợi ro, quyợợt đợợnh cợợp tín đợợng, quợợn lý nợợ, nhợợm đợợm bợợo tính đợợc lợợp, khách quan. Thợợc hiợợn sợợ giám sát và kiợợm soát chợợt chợợ, thợợợng xuyên cợợa các bợợ phợợn liên quan tợợi cợợp tín đợợng, bợợ phợợn kiợợm tra và giám sát tín đợợng đợợc lợợp.

– Đợợy nhanh thợợi gian phê duyợợt tín đợợng: (i) quy đợợnh thợợi gian phê duyợợt và thợợc hiợợn giám sát thợợi gian phê duyợợt cợợi thợợ đợợi vớợi tợợng cợợp; (ii) đợợi vớợi các khoợợn vay tiêu dùng cợợa khách hàng cá nhân, cợợn xây đợợng quy trờợng phê duyợợt, phợợn mợợm phê duyợợt đợợn giợợn theo tiêu chí tín đợợng đợợợc lợợa chợợn.

– Hoàn thiện QCCV hợợợng đợợn gia tăng doanh thu và lợợi nhuợợn trên mợợt khách hàng. Mợợc tiêu cợợa kinh doanh tợợi tợợi cợợa

các TCTD là nâng cao lợi nhuận. Hoàn thiện QCCV nhằm phát triển cho vay cũng để tăng lợi nhuận. Giải pháp cụ thể như: xây dựng chính sách ưu đãi riêng biệt cho từng phân khúc khách hàng, xây dựng các gói sản phẩm dành cho từng nhóm khách hàng, quản lý biên độ sinh lợi của từng khách hàng, tăng cường bán chéo sản phẩm...

– Hoàn thiện QCCV hướng vào tạo ra các dịch vụ vượt trội để với từng TCTD. Đem vào khả năng cạnh tranh, thu hút khách hàng sẽ đem đến dịch vụ từ TCTD của mình, từ đó đem đến gia tăng thu nhập từ phí dịch vụ, góp phần tăng từ trung thu nhập ngoài lãi trong cơ cấu từng thu nhập của TCTD.

– Hoàn thiện QCCV hướng đến xây dựng chính sách cho vay hiệu quả. Chính sách cho vay để xem là kim chỉ nam cho hoạt động tín dụng và tăng cường công tác quản trị rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống TCTD. Chính sách cho vay cũng là cơ sở để xây dựng QCCV.

– Hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng dựa trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và xếp hạng khoản vay. Thẩm định tín dụng là một trong những công việc quan trọng có hiệu quả. Do vậy, hoàn thiện QCCV hướng đến thực hiện thẩm định tín dụng dựa trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và xếp hạng khách hàng.

– Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển, TCTD nào muốn tồn tại và phát triển bền vững cần hội đủ 3 yếu tố là: cơ cấu tổ chức, con người và công nghệ. Công nghệ thông tin hiện đại và các công nghệ ứng dụng đáp ứng nhu cầu quản lý, phân tích,

từng hợp đồng, giao dịch khách hàng và triển khai các sản phẩm dịch vụ hiện đại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng để hiệu quả cao, rút ngắn thời gian giao dịch với khách hàng, tiết kiệm chi phí hoạt động, gia tăng lợi nhuận sản phẩm dịch vụ, từ đó góp phần tăng thu nhập và lợi nhuận cho ngân hàng.

– Hoàn thiện QCCV gắn với tăng cường vai trò và hiệu lực của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong điều kiện môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt thì hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ càng có vai trò quan trọng với cơ sở toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các TCTD như góp phần nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chi phí tốt hơn. Thực hiện tốt chức năng kiểm tra, kiểm soát sẽ giúp cho các nhà quản trị phát hiện và kịp thời khắc phục để tránh những sai sót, khả năng có nguy cơ phát sinh rủi ro trong quy định, quy trình và thực tiễn tác nghiệp từ từng khâu, bộ phận, phòng ban của TCTD.

Thứ ba, kiến nghị với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Đề nghị với Chính phủ:

– Về định hướng hoạt động chính sách tài khóa và tiền tệ, kích thích và kiểm soát từng khâu cho toàn bộ nền kinh tế: thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ và hiệu quả; kiểm soát từ khâu phát hành lý; về định hướng hoạt động chính sách tiền tệ để đảm bảo tốt thanh khoản cho nền kinh tế, kiểm soát lãi suất trên thị trường tiền tệ một cách chặt chẽ và hợp lý thông qua các công cụ điều hành của Ngân hàng Nhà nước; tăng cường kiểm soát thị trường, giá cả; khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập siêu.

– Chính sách đợu tợ công nên tợp trung ợu tiên vào các đợ án, công trình trợng đợm phát huy đợợc hiợu quợ kinh tợ - xă hợ i nhanh chóng và là nợn tợng hợ trợ cho lĩnh vợc kinh tợ tợ nhợn phát triợn nhợ: phát triợn nhanh chóng hợ thợng giao thông công cợng; đợu tợ phát triợn hợ thợng giáo dợc và y tợ nhợm nâng cao chợt lợợng nguợn nhợn lợc đợm bợo yợu tợ cợnh tranh vợ chợ sợ phát triợn con ngợợi; các chính sách ợu tiên phát triợn cho lĩnh vợc nông nghiợp và phát triợn nông thôn.

– Vợn đợng các chính sách kích thích nhợm tợp trung tháo gợ khó khăn, thúc đợy phát triợn sợn xuợt kinh doanh: hợ trợ các doanh nghiợp vay vợn vợ i lãi suợt hợp lý, ợu tiên vợn cho các lĩnh vợc nông nghiợp, các doanh nghiợp sợn xuợt, chợ biợn hàng xuợt khợu, các doanh nghiợp tợ nhợ; thợc hiợn miợn giợm thuợ thu nhợp doanh nghiợp, thuợ VAT.

– Tiợp tợc hoàn thiợn hợ thợng pháp luợt, tăng cợợng kợ cợợng xă hợ i trong vợc thợc hiợn và tuân thợ pháp luợt; đợy mợnh cợi cách hành chính và nâng cao hiợu lợc quợn lý nhà nợợc, tăng cợợng phòng chợng tham nhợng.

– Nâng cao tợc công khai minh bợch vợ thông tin theo các chuợn mợc đợợc áp đợng, tợo niợm tin cho nhà đợu tợ trong và ngoàì nợợc, tợng bợợc nâng cao tợc nhiợm và năng lợc cợnh tranh quợc gia.

Đợ i vợ i Ngân hàng Nhà nợợc:

– Công khai chiợn lợợc, kợ hoợch phát triợn cợa ngành ngân hàng gợn liợn vợ i các mợc tiêu phát triợn kinh tợ chung cợa đợt nợợc.

– Công khai đợnh hợợng chính sách tợn tợ bao gợm các chợ tiêu lợợng tợn cung ợng, chính sách lãi suợt, lợm phát,

mợc tiêu phát triợn tợc đợng gợn vợ i các chợ tiêu kinh tợ vợ mợ.

– Sợ đợng đợng bợ và linh hoợt các công cợ chính sách tợn tợ theo tợc hiợu thợ trợợng; theo dợi, đánh giá, phân tích và đợ báo xu hợợng thợ trợợng trong nợợc và thợ giợ i, hợ trợ các TCTD trong hoàn thiợn các QCCV.

– Thợ chợ hóa chợ đợ thông tin báo cáo, nâng cao hiợu quợ công tác thợng kê tợn tợ và ngân hàng, cợp nhợt thông tin nhanh chóng, chính xác và công khai trên website cợa Ngân hàng Nhà nợợc.

– Tăng cợợng công tác kiợm tra, giám sát hoợt đợng cợa các TCTD đợm bợo tuân thợ Luợt các Tợ chợc tợc đợng, xây đợng mợt mội trợợng cợnh tranh bình đợng giợ a các TCTD.

– Công khai xợp hợng TCTD theo đợnh kỳ trên cợ sợ các tiêu chí xợp hợng cợa Ngân hàng Nhà nợợc.

– Thợ chợ hóa vợc áp đợng các chuợn mợc và thông lợ quợc tợ vào quợn trợ hoợt đợng cợa các NHTM (quy đợnh vợ quợn trợ rợ i ro theo Hiợp ợợc Basel II, hợ thợng xợp hợng CAMELS).

– Tăng cợợng hợp tác vợ i các tợ chợc tài chính, tợn tợ thợ giợ i (WB, IMF, ADB...), ngân hàng trung ợợng các nợợc nhợm thu hút nguợn vợn hợ trợ và chia sợ vợ khoa hợc, công nghợ, kợ năng quợn trợ, đợu hành đợ nâng cao hiợu quợ hoợt đợng và năng lợc cợnh tranh cợa hợ thợng TCTD Viợt Nam trong xu thợ hợ i nhợp.

– Tiợp tợc hoàn thiợn các văn bợn đợợi luợt, tợo ra mợt mội trợợng pháp lý hoàn chợnh trong lĩnh vợc kinh doanh tợn tợ.

– Tiợp tợc đợ i mợi chính sách lãi suợt và hoàn thiợn cợ chợ đợu hành lãi suợt tợc đợng phù hợp cợ chợ thợ trợợng.

**COMPLETION FOR LOAN RULES FROM THE PERSPECTIVE
OF BAD DEBTS OF VIETNAM CREDIT ORGANIZATIONS**

Nguyen Van Phuc

Banking University Ho Chi Minh City

ABSTRACT

Bad debts of credit organization system relate directly to loan rules. In Vietnam, in recent years, loan rules of credit organizations have had many gaps: compulsory reserve ratio is inappropriate, overdue loans increase high, competition is unfair among credit organizations, legal documents of State bank is uncompleted. Completion for loan rules from the perspective of bad debts of Vietnam credit organizations includes issues: define orientation opinion, establish credit policies based on size of charter capital increasing and enhance quality of credit organizations, and make recommendations to the Government and the State Bank about flexible fiscal and monetary policy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ (2006), Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, ban hành ngày 24/05/2006, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2006), Nghị định số 141/2006/NĐ-CP về việc ban hành Danh mục mã số pháp định của các TCTD, ban hành ngày 22/11/2006, Hà Nội.
- [3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), Đề án cải thiện hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015 kèm theo Quyết định 254/QĐ-TTg, ngày 01/03/2012 của Thủ Tướng Chính Phủ.
- [4] Quốc hội (1997), Luật doanh nghiệp, ban hành ngày 29/11/2005.
- [5] Quốc hội (2004), Luật cạnh tranh, ban hành ngày 03/12/2004.
- [6] Quốc hội (2004), Sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức Tín dụng, ban hành ngày 15/06/2004.